



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

jo

tôi

tu

bạn

ell

anh ấy

ella

cô ấy

allò
ell/ella

nó

nosaltres

chúng tôi / chúng ta

vosaltres

các bạn

ells

họ

què

cái gì

qui

ai

on

ở đâu

per què

tại sao

com

làm sao

quin

cái nào

quan

lúc nào

llavors

sau đó

sí

nếu

realment

thật sự

però

nhưng

perquè

bởi vì

no

không

això

này

Necessito això

Tôi cần cái này

Quant val, això?

Cái này giá bao nhiêu?

allò
això

đó

tot

tất cả

o

hoặc

i

và

saber

biết

Ho sé

Tôi biết

No ho sé

Tôi không biết

pensar

nghĩ

venir

đến

posar

đặt

agafar
general

lấy

trobar

tìm

escoltar

nghe

treballar

làm việc

parlar

nói chuyện

donar

cho

agradar

thích

ajudar

giúp đỡ

estimar

yêu

trucar

gọi

esperar

chờ đợi

M'agrades

Tôi thích bạn

No m'agrada això

Tôi không thích cái này

M'estimes?

Bạn có yêu tôi không?

T'estimo

Tôi yêu bạn

zero

0

un

1

dos

2

tres

3

quatre

4

cinc

5

sis

6

set

7

vuit

8

nou

9

deu

10

onze

11

dotze

12

tretze

13

catorze

14

quinze

15

setze

16

disset

17

divuit

18

dinou

19

vint

20

nou
vell

mới

vell
nou

cũ

pocs

ít

molts

nhiều

quant?

bao nhiêu?

quants?

bao nhiêu?

incorrecte

sai

correcte

chính xác

dolent

xấu

bo

tốt

feliç

hạnh phúc

curt

ngắn

llarg

dài

petit

nhỏ

gran

lớn

allà

đó

aquí

đây

dreta

phải

esquerra

trái

bonic
general

xinh đẹp

jove

trẻ

vell
jove

già

hola

xin chào

fins ara

hẹn gặp lại

d'acord

được

cuida't

bảo trọng nhé

no et preocupis
pensar

đừng lo

és clar

tất nhiên

bon dia

chúc ngày tốt lành

ei

chào

adéu
informal

bái bai

adéu
formal

tạm biệt

disculpeu-me

xin làm phiền

ho sento

xin lỗi

gràcies

cảm ơn bạn

si us plau

làm ơn

vull això

Tôi muốn cái này

ara

bây giờ

tarda

buổi chiều

matí
9:00-11:00

buổi sáng

nit

ban đêm

matí
6:00-9:00

buổi sáng

vespre

buổi tối

migdia

buổi trưa

mitjanit

nửa đêm

hora

giờ

minut

phút

segon
temps

giây

día

ngày

setmana

tuần

mes

tháng

curs

năm

temps
rellotge

thời gian

data

ngày tháng

abans d'ahir

ngày hôm kia

ahir

hôm qua

avui

hôm nay

demà

ngày mai

demà passat

ngày kia

dilluns

thứ hai

dimarts

thứ ba

dimecres

thứ tư

dijous

thứ năm

divendres

thứ sáu

dissabte

thứ bảy

diumenge

chủ nhật

Demà és dissabte

Ngày mai là thứ bảy

vida

cuộc đời

dona

đàn bà

home

đàn ông

amor

tình yêu

nuvi
general

bạn trai

núvia
general

bạn gái

amic

bạn

petó

hôn

sexe

tình dục

nen

trẻ em

bebè

em bé

noia

con gái

noi

con trai

mare
informal

mẹ

pare
informal

ba

mare
formal

má

pare
formal

cha

pares

cha mẹ

fill

con trai

filla

germana petita

germà petit

con gái

em gái

em trai

germana gran

germà gran

mantenir

chị gái

anh trai

đúng

seure

estirar-se

tancar
porta

ngồi

nằm xuống

đóng

obrir
porta

perdre

guanyar
esport

mở

thua

thắng

morir

chết

viure

sống

encendre

bật

apagar

tắt

matar

giết

ferir

làm bị thương

tocar

chạm

mirar

xem

beure

uống

menjar

ăn

caminar

đi bộ

conèixer

gặp

apostar

đặt cược

petonejar

hôn

seguir

đi theo

casar

cưới

responder

trả lời

preguntar

hỏi

pregunta

câu hỏi

empresa

công ty

negocis

kinh doanh

treball

việc làm

diners

tiền

telèfon

điện thoại

oficina

văn phòng

metge

bác sĩ

hospital

bệnh viện

infermera

y tá

policia
persona

cảnh sát

president

tổng thống

blanc

màu trắng

negre

màu đen

vermell

màu đỏ

blau

màu xanh da trời

verd

màu xanh lá cây

groc

màu vàng

lent

chậm

ràpid

nhANH

divertit

vui vẻ

injust

không công bằng

just

công bằng

difícil

khó

fàcil

dễ

Això és difícil

Cái này khó

ric

giàu

pobre

nghèo

fort
persona

khỏe

feble

yếu

segur

an toàn

cansat

mệt mỏi

orgullós

tự hào

ple
aliment

no bụng

malalt

bệnh

saludable

khỏe mạnh

enfadat

tức giận

baix
diagrama

thấp

alt
diagrama

cao

recte

thẳng

cada

mỗi / mọi

sempre

luôn luôn

en realitat

thực ra

una altra vegada

lần nữa

ja

đã

menys

ít hơn

la majoria

phần lớn

més

nhiều hơn

Vull més

Tôi muốn nhiều hơn

cap
tot

không có

molt

rất

animal

động vật

porc

con lợn

vaca

con bò

cavall

con ngựa

gos

con chó

ovella

con cừu

mico

con khỉ

gat

con mèo

os
animal

con gấu

pollastre

con gà

ànec

con vịt

papallona

con bướm

abella

con ong

peix
animal

con cá

aranya

con nhện

serp

con rắn

fora

ở ngoài

dins

ở trong

lluny

xa

a prop

gần

sota

bên dưới

damunt

bên trên

al costat

bên cạnh

davant

phía trước

darrere

phía sau

dolç

ngọt

àcid

chua

estrany

lạ

suau

mềm

dur

cứng

bonic
persona

đáng yêu

estúpido

ngu ngốc

boig

điên khùng

ocupat

bận rộn

alt
cos

cao

baix
cos

thấp

preocupat

lo lắng

sorprès

ngạc nhiên

guai

ngẫu

educat

cư xử tốt

malvat

ác độc

intel·ligent

khéo léo

fred

lạnh

calent

nóng

cap
cos

đầu

nas

mũi

cabell

tóc

boca

miệng

orella

tai

ull

mắt

mà

bàn tay

peu

bàn chân

cor

tim

cervell

não

tirar

kéo

empènyer

đẩy

prémer

ấn

colpejar

đánh

agafar
pilota

bắt

lluitar

chiến đấu

llançar

ném

córrer

chạy

llegir

đọc

escriure

viết

arreglar

sửa chữa

contar

đếm

tallar

cắt

vendre

bán

comprar

mua

pagar

trả

estudiar

học

somiar

mơ

dormir

ngủ

jugar
general

chơi

celebrar

ăn mừng

descansar

ngủ ngơi

gaudir

thưởng thức

netejar

dọn dẹp

escola

trường học

casa
edifici

nhà ở

porta

cửa

marit

chồng

esposa

vợ

casament

đám cưới

persona

người

cotxe

xe hơi

casa
família

nhà

ciutat

thành phố

número

số

vint-i-u

21

vint-i-dos

22

vint-i-sis

26

trenta

30

trenta-u

31

trenta-tres

33

trenta-set

37

quaranta

40

quaranta-u

41

quaranta-quatre

44

quaranta-vuit

48

cinquanta

50

cinquanta-u

51

cinquanta-cinc

55

cinquanta-nou

59

seixanta

60

seixanta u

61

seixanta-dos

62

seixanta-sis

66

setanta

70

setanta-u

71

setanta-tres

73

setanta-set

77

vuitanta

80

vuitanta-u

81

vuitanta-quatre

84

vuitanta-vuit

88

noranta

90

noranta-u

91

noranta-cinc

95

noranta-nou

99

cent

100

mil

1000

deu mil

10.000

cent mil

100.000

un milió

1.000.000

el meu gos

con chó của tôi

el teu gat

con mèo của bạn

el seu vestit

váy của cô ấy

el seu cotxe

xe của anh ấy

la seva bola

quả bóng của nó

casa nostra

nhà của chúng tôi

el vostre equip

đội của bạn

la seva empresa

công ty của họ

tothom

mọi người

junts

cùng nhau

altre

khác

és indiferent

không thành vấn đề

salut
beguda

chúc mừng

relaxa't

thư giãn đi

estic d'acord

tôi đồng ý

benvingut

chào mừng

no et preocupis
d'acord

không phải lo

gira a la dreta

rẽ phải

gira a l'esquerra

rẽ trái

segueixi dret

đi thẳng

vine amb mi

Hãy đi với tôi

ou

trúng

formatge

phô mai

llet

sữa

peix
aliment

cá

carn

thịt

verdura

rau

fruita

trái cây

os
aliment

xương

oli

dầu

pa

bánh mì

sucre

đường

xocolata

sô cô la

caramel

kẹo

pastís

bánh bông lan

beguda

đồ uống

aigua

nước

refresc

nước soda

café

cà phê

te

trà

cervesa

bia

vi

rượu nho

amanida

sa lát

sopa

súp

postres

món tráng miệng

esmorzar

bữa ăn sáng

dinar

bữa trưa

sopar

bữa tối

pizza

pizza

autobús

xe buýt

tren

xe lửa

estació de tren

ga xe lửa

parada d'autobús

trạm dừng xe buýt

avió

máy bay

vaixell

tàu

camió

xe tải

bicicleta

xe đạp

motocicleta

xe mô tô

taxi

xe taxi

semàfor

đèn giao thông

aparcament

bãi đậu xe

carretera

đường

roba

quần áo

sabata

giày dép

abric

áo choàng

suèter

áo len

camisa

áo sơ mi

jaqueta

áo khoác

vestit
home

áo phộc

pantalons

quần dài

vestit
dona

đầm

samarreta

áo phông

mitjó

bít tất

sostenidor

áo ngực

calçotets

quần lót

ulleres

kính

bossa de mà

túi xách

moneder

ví tiền

cartera

ví

anell

nhẫn

barret

mũ

rellotge
canell

đồng hồ đeo tay

butxaca

túi

Com et dius?

Bạn tên gì?

El meu nom és David

Tên của tôi là David

Tinc 22 anys

Tôi 22 tuổi

Com estàs?

Bạn có khỏe không?

Estàs bé?

Bạn có ổn không?

On és el lavabo?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Et trobo a faltar

Tôi nhớ bạn

primavera

mùa xuân

estiu

mùa hè

tardor

mùa thu

hivern

mùa đông

gener

tháng một

febrer

tháng hai

març

tháng ba

abril

tháng tư

maig

tháng năm

juny

tháng sáu

juliol

tháng bảy

agost

tháng tám

setembre

tháng chín

octubre

tháng mười

novembre

tháng mười một

desembre

tháng mười hai

compra

mua sắm

factura

hóa đơn

mercat

chợ

supermercat

siêu thị

edifici

tòa nhà

apartament

căn hộ

universitat

trường đại học

granja

nông trại

església

nhà thờ

restaurant

nhà hàng

bar

quán bar

gimnàs

phòng thể dục

parc

công viên

lavabo
parc

nhà vệ sinh

mapa

bản đồ

ambulància

xe cứu thương

policia
general

cảnh sát

pistola

súng

bomber
general

lính cứu hỏa

país

quốc gia

suburbi

ngoại ô

poble

ngôi làng

salut
cos

sức khỏe

medicina

dược phẩm

accident

tai nạn

pacient

bệnh nhân

cirurgia

phẫu thuật

píndola

viên thuốc

febre

sốt

refredat

cảm lạnh

ferida

vết thương

cita prèvia

cuộc hẹn

tos

ho

coll
cos

cổ

cul

mông

espatlla

vai

genoll

đầu gối

cama

chân

braç

tay

ventre

bụng

pit

ngực

esquena

lưng

dent

răng

llengua

lưỡi

llavi

môi

dit

ngón tay

dit del peu

ngón chân

estómac

dạ dày

pulmó

phổi

fetge

gan

nervi

dây thần kinh

ronyó

thận

intestí

ruột

color

màu sắc

taronja
color

màu cam

gris

màu xám

marró

màu nâu

rosa
color

màu hồng

avorrit

nhàm chán

pesat

nặng

lleuger

nhẹ

solitari

cô đơn

famolenc

đói bụng

assedegat

khát nước

trist

buồn

abrupte

đốc

pla

bằng phẳng

rodó

tròn

quadrat
adjectiu

vuông

estret

hẹp

ampli

rộng

profund

sâu

poc profund

nông

enorme

lớn

nord

bắc

est

đông

sud

nam

oest

tây

brut

bẩn

net

sạch sẽ

ple
general

đầy

buit

trống rỗng

car

đất

barat

rẻ

fosc

tối

clar

sáng

atractiu

quyến rũ

mandrós

lười biếng

valent

dũng cảm

generós

hào phóng

bell

đẹp trai

lleig

xấu xí

ximple

ngớ ngẩn

amable

thân thiện

culpable

tội lỗi

cec

mù

borratxo

say

mullat

ướt

sec

khô

càlid

ấm áp

fort
música

ồn ào

tranquil

yên tĩnh

silenciós

im lặng

cuina
casa

nhà bếp

bany

phòng tắm

sala d'estar

phòng khách

dormitori
casa

phòng ngủ

jardí

vườn

garatge

gara

paret

tường

soterrani

tầng hầm

lavabo

casa

nhà vệ sinh

escales

cầu thang

sostre

mái nhà

finestra

edifici

cửa sổ

ganivet

dao

tassa

calent

tách

vidre

ly

plat

đĩa

tassa

fred

cốc

cubell d'escombraries

thùng rác

bol

tô

televisor

bộ tivi

escriptori

bàn

llit

giường

mirall

gương

dutxa

vòi hoa sen

sofà

ghế sofa

imatge

ảnh

rellotge
paret

đồng hồ

taula

bàn

cadira

ghế

piscina
jardí

hồ bơi

timbre

chuông

veí

hàng xóm

fallar

thất bại

escollir

chọn

disparar

bắn

votar

bình chọn

caure

rơi xuống

defensar

bảo vệ

atacar

tấn công

robar

trộm

cremar

đốt

rescatar

cứu

fumar

hút thuốc

volar

bay

portar

mang theo

escopir

khắc nhử

donar puntades

đá

mossegar

cắn

respirar

thở

olorar

ngửi

plorar

khóc

cantar

hát

somriure

cười mỉm

riure

cười

crèixer

lớn lên

encongir

co lại

discutir

tranh luận

amençar

đe dọa

compartir

chia sẻ

alimentar

cho ăn

amagar

trốn

avisar

cảnh báo

nedar

bơi

saltar

nhảy

rodar

lăn

aixecar

nâng

cavar

đào

copiar

sao chép

entregar

giao hàng

buscar

tìm kiếm

practicar

luyện tập

viatjar

đi du lịch

pintar

vẽ

dutxar

tắm vòi sen

obrir
cadenat

mở

tancar
cadenat

khóa

rentar

rửa

pregar

cầu nguyện

cuinar

nấu ăn

llibre

sách

biblioteca

thư viện

deures

bài tập về nhà

examen

bài thi

llicó

bài học

ciència

khoa học

història

lịch sử

art

nghệ thuật

anglès

tiếng Anh

francès

tiếng Pháp

bolígraf
general

cây bút

llapis

bút chì

tres per cent

3%

primer

thứ nhất

segon
número

thứ hai

tercer

thứ ba

quart

thứ tư

resultat

kết quả

quadrat
substantiu

hình vuông

cercle

hình tròn

àrea

diện tích

recerca

nghiên cứu

grau

bằng cấp

batxiller

cử nhân

màster

thạc sĩ

x és més petit que y

$x < y$

x és més gran que y

$x > y$

estrès

áp lực

assegurança

bảo hiểm

personal

nhân viên

departament

bộ phận

sou

lương

adreça

địa chỉ

carta

lá thư

capità

thuyền trưởng

detectiu

thám tử

pilot

phi công

professor
universitat

giáo sư

professor
escola

giáo viên

advocat

luật sư

secretària

thư ký

ajudant

trợ lý

jutge

thẩm phán

director
empresa

giám đốc

gerent

quản lý

cuiner

đầu bếp

taxista

conductor d'autobús

criminal

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

model

artista

número de telèfon

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

senyal

aplicació

xat

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

arxiu

url

correu electrònic

xxx@xxx.com

tập tin

url

địa chỉ email

lloc web

trang mạng

correu electrònic
general

thư điện tử

telèfon mòbil

điện thoại di động

lleis

pháp luật

presó

nhà tù

evidència

chứng cứ

multa

tiền phạt

testimoni

nhân chứng

tribunal

tòa án

signatura

chữ ký

pèrdua

thua lỗ

benefici

lợi nhuận

client

khách hàng

quantitat

số tiền

targeta de crèdit

thẻ tín dụng

contrasenya

mật khẩu

caixer automàtic

máy rút tiền

piscina
esport

bể bơi

potència

điện

càmera

máy ảnh

ràdio

đài radio

regal

quà tặng

ampolla

cái chai

bossa

cái túi

clau
porta

chìa khóa

nina

búp bê

àngel

thiên thần

pinta

lược

pasta de dents

kem đánh răng

raspall de dents

bàn chải đánh răng

xampú

dầu gội

crema

kem thoa

mocador

khăn giấy

pintallavis
sòlid

son môi

televisió

truyền hình

cinema

rạp chiếu phim

notícies

tin tức

seient

ghế

entrada

vé

pantalla
cinema

màn chiếu

música

âm nhạc

escenari

sân khấu

audiència

khán giả

pintura
art

hội họa

acudit

trò đùa

article

bài báo

periòdic

báo chí

revista

tạp chí

publicitat

quảng cáo

naturalesa

thiên nhiên

cendra

tro

foc
general

lửa

diamant

kim cương

lluna

mặt trăng

terra
planeta

Trái Đất

sol
univers

mặt trời

estrella

ngôi sao

planeta

hành tinh

univers

vũ trụ

costa

bờ biển

llac

hồ

bosc

rừng

desert

sa mạc

turó

đồi núi

roca

đá

riu

con sông

vall

thung lũng

muntanya

núi

illa

đảo

oceà

đại dương

mar

biển

temps
fora

thời tiết

gel

băng

neu

tuyết

tempesta

bão táp

pluja

mưa

vent

gió

planta

thực vật

arbre

cây

herba

cỏ

rosa
flor

hoa hồng

flor
general

hoa

gas

chất khí

metall

kim loại

or

vàng

plata

bạc

La plata és més barata que
l'or

Bạc rẻ hơn vàng

L'or és més car que la plata

Vàng đắt hơn bạc

vacances

ngày lễ

membre

thành viên

hotel

khách sạn

platja

bờ biển

convidat

khách

aniversari

sinh nhật

Nadal

Giáng sinh

Any nou

Năm Mới

Setmana Santa

Lễ Phục sinh

oncle

chú

tia

cô

àvia paterna

bà nội

avi patern

ông nội

àvia materna

bà ngoại

avi matern

ông ngoại

mort

tử vong

sepultura

phần mộ

divorci

ly hôn

núvia
casament

cô dâu

nuvi
casament

chú rể

cent u

101

cent cinc

105

cent deu

110

cent cinquanta-u

151

dos-cents

200

dos-cents dos

202

dos-cents sis

206

dos-cents vint

220

dos-cents seixanta-dos

262

tres-cents

300

tres-cents tres

303

tres-cents set

307

tres-cents trenta

330

tres-cents setanta-tres

373

quatre-cents

400

quatre-cents quatre

404

quatre-cents huit

408

quatre-cents quaranta

440

quatre-cents vuitanta-quatre

484

cinc-cents

500

cinc-cents cinc

505

cinc-cents nou

509

cinc-cents cinquanta

550

cinc-cents noranta-cinc

595

sis-cents

600

sis-cents u

601

sis-cents sis

606

sis-cents-setze

616

sis-cents seixanta

660

set-cents

700

set-cents dos

702

set-cents set

707

set-cents vint-i-set

727

set-cents setanta

770

vuit-cents

800

vuit-cents tres

803

vuit-cents vuit

808

vuit-cents trenta-vuit

838

vuit-cents vuitanta

880

nou-cents

900

nou-cents quatre

904

nou-cents nou

909

nou-cents quaranta-nou

949

nou-cents noranta

990

tigre

con hổ

ratolí
animal

con chuột

rata

con chuột cống

conill

con thỏ

lleó

con sư tử

ase

con lửa

elefant

con voi

au

con chim

gall

con gà trống choai

colom

con chim bồ câu

oca

con ngỗng

insecte

côn trùng

cuca

con bọ

mosquit

con muỗi

mosca

con ruồi

formiga

con kiến

balena

con cá voi

tauró

con cá mập

dofí

con cá heo

cargol

con ốc sên

granota

con ếch

sovint

thường xuyên

immediatament

ngay lập tức

de sobte

đột ngột

encara que

mặc dù

gimnàstica

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

carrera a peu

chạy

ciclisme

đạp xe

golf

đánh golf

patinatge sobre gel

trượt băng

futbol

bóng đá

bàsquet

bóng rổ

natació

bơi lội

busseig

lặn

senderisme

đi bộ đường dài

Regne Unit

Vương quốc Anh

Espanya

Tây Ban Nha

Suïssa

Thụy sĩ

Itàlia

Ý

França

Alemanya

Tailàndia

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapur

Rússia

Japó

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Índia

Xina

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Estats Units d'Amèrica

Mèxic

Canadà

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Xile

Brasil

Argentina

Chile

Brazil

Argentina

Sud-Àfrica

Nigèria

Marroc

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Líbia

Kenya

Algèria

Libya

Kenya

Algeria

Egipte

Nova Zelanda

Austràlia

Ai Cập

New Zealand

Úc

Àfrica

Châu Phi

Europa

Châu Âu

Àsia

Châu Á

Amèrica

Châu Mỹ

quart d'hora

mười lăm phút

mitja hora

nửa tiếng

tres quarts d'hora

bốn mươi lăm phút

una en punt

1:00

dues i cinc

2:05

tres i deu

3:10

un quart de cinc

4:15

cinc i vint

5:20

sis i vint-i-cinc

6:25

dos quarts de vuit

7:30

vuit i trenta cinc

8:35

deu menys vint

9:40

tres quarts d'onze

10:45

dotze menys deu

11:50

una menys cinc

12:55

una de la matinada

một giờ sáng

dues de la tarda

hai giờ chiều

la setmana passada

tuần trước

aquesta setmana

tuần này

pròxima setmana

tuần sau

l'any passat

aquest any

l'any que vé

năm ngoái

năm nay

năm sau

el mes passat

aquest mes

el mes que ve

tháng trước

tháng này

tháng sau

u de gener de dos mil
catorze

vint-i-cinc de febrer de dos
mil tres

dotze d'abril de mil nou-
cents vuitanta-vuit

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

tretze d'octubre de mil vuit-
cents noranta-nou

trenta de setembre de mil
nou-cents set

dotze de desembre de dos
mil

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

front

trán

arruga

nếp nhăn

mentó

cằm

galta

má

barba

râu

pestanyes

lông mi

cella

lông mày

cintura

eo

clatell

gáy

tors

lồng ngực

polze

ngón cái

dit petit

ngón tay út

dit anular

ngón tay đeo nhẫn

dit del cor

ngón tay giữa

dit índex

ngón tay trỏ

canell

cổ tay

ungla

móng tay

taló

gót chân

columna vertebral

xương sống

múscul

cơ bắp

os
cos

xương

esquelet

bộ xương

costella

xương sườn

vèrtebra

đốt sống

bufeta

bàng quang

vena

tĩnh mạch

artèria

động mạch

vagina

âm đạo

esperma

tinh trùng

penis

dương vật

testicle

tinh hoàn

sucós

mọng nước

picant

cay

salat

mặn

cru

sống

bullit

lộc

timid

cobdiciós

estricte

nhút nhát

tham lam

ng nghiêm khắc

sord

điếc